

# BỐI CẢNH QUỐC TẾ ĐẦU NHỮNG NĂM 70 CỦA THẾ KỶ XX DẪN TỚI HIỆP ĐỊNH PARI VỀ VIỆT NAM

(tiếp theo và hết)

GS VŨ DƯƠNG NINH\*

## 4. Thoả thuận và bội ước tháng Mười

Cho đến giữa năm 1972, cả hai phía Việt Nam và Hoa Kỳ đều chịu nhiều sức ép ở trong nước và thế giới.

Đối với Việt Nam, cuộc tiến công mùa Xuân 1972 tuy giành được nhiều thắng lợi to lớn nhưng mức độ quyết liệt trên chiến trường miền Nam cũng như việc Mỹ trở lại đánh phá tàn bạo miền Bắc cho thấy tình thế giằng co còn có thể kéo dài và cả hai phía đều quyết tâm giành thắng lợi quyết định về quân sự để hậu thuẫn cho thắng lợi về ngoại giao. Sự bất tay giữa các nhà lãnh đạo Trung Quốc với Mỹ, Liên Xô với Mỹ dấu sao cũng gây ra một tình thế bất lợi về chính trị đối với Việt Nam. Và sự thoả hiệp với Mỹ sẽ được trả giá như thế nào trong việc các nước XHCN sẽ giảm dần viện trợ vật chất cho Việt Nam<sup>12</sup>, đó chính là điều phải lường trước nếu như cuộc chiến còn kéo dài. Đồng thời, vấn đề hoà bình ở Việt Nam có ý nghĩa quan trọng trong cuộc vận động tranh cử ở Mỹ nên “ta có thể tranh thủ thời cơ bầu cử để ép Mỹ”, “ta cần tranh thủ khả năng chấm dứt chiến tranh trước ngày bầu cử ở Mỹ”<sup>13</sup>.

Cùng thời gian đó, về phía Mỹ, cuộc bầu cử Tổng thống càng đến gần càng làm nóng lên bầu không khí chính trị trong nước mà vấn đề Việt Nam là một trong những tâm điểm của cuộc chạy đua vào Nhà Trắng

giữa Níchxon (Đảng cộng hoà) và MácGavon (Đảng dân chủ) – người chủ trương chấm dứt không điều kiện chiến tranh ở Việt Nam và chấm dứt viện trợ quân sự cho chính quyền Sài Gòn.

Tính đến khi đó, nước Mỹ đã theo đuổi cuộc chiến tranh ở Việt Nam gần 2 thập niên với nửa triệu lính Mỹ, chi phí hàng tỷ đô la mà không giành được thắng lợi. Uy tín quốc tế của Hoa Kỳ bị giảm sút, sự chia rẽ nội bộ càng thêm sâu sắc. Thực hiện học thuyết Việt Nam hoá chiến tranh, Níchxon đã đưa về nước phần đông số lính Mỹ, đến đầu tháng 12-1972 còn lại 12 ngàn quân ở miền Nam Việt Nam. Tuy vậy, làn sóng phản đối chiến tranh Việt Nam vẫn không ngừng sôi sục trên đường phố cũng như trong Quốc hội Mỹ.

Ngay từ năm 1965, phong trào sinh viên Mỹ phản chiến bùng nổ. Đến năm 1968 nhiều cuộc mít tinh, biểu tình phản chiến đã lan ra trên toàn quốc, đặc biệt là những phong trào do tổ chức “Sinh viên vì một Xã hội Dân chủ” (Students for a Democratic Society – SDS) và tổ chức Cựu binh Việt Nam chống chiến tranh (Vietnam Veterans against the War – VVAW) tiến hành. Mục sư Luthơ King – người được giải thưởng Nôben về Hoà bình, Giôn Kerry sau trở thành Thượng nghị sĩ và nhiều nhân vật nổi tiếng khác đều tham gia phong trào. Những cái chết tự thiêu của Alixơ Hec, Noman Morixon và Rôbơ La Poooc đó

\* Đại học quốc gia Hà Nội

thực sự trở thành một cú sốc đối với nước Mỹ, càng thúc đẩy các nhà hoạt động phong trào làm tất cả những gì cần thiết để chấm dứt chiến tranh. Nhiều cuộc biểu tình đã thu hút đến 20-30 triệu người tham gia với mục tiêu được xác định rõ ràng: “Chúng tôi cảm thấy rằng đây là cuộc chiến tranh hoàn toàn phi đạo lý, một cuộc chiến tranh hậu thuẫn một chế độ không đại diện cho nhân dân và một cuộc chiến tranh làm mất đi hy vọng nước Mỹ trở thành một xã hội tốt đẹp và dân chủ thực sự (...). Chúng tôi mong muốn xây dựng làng mạc, chúng tôi không muốn thiêu huỷ chúng. Chúng tôi mong muốn góp phần xây dựng và thay đổi đất nước, chúng tôi không muốn phá huỷ đất nước của người khác. Chúng tôi mong muốn thúc đẩy nền dân chủ, chúng tôi không tin rằng có thể thúc đẩy dân chủ bằng tra tấn và khủng bố”<sup>14</sup>. Những cuộc bất bớ, trấn áp bằng dùi cui, lựu đạn cay xảy ra ở khắp nơi khiến giới cầm quyền phải lo ngại: “Không thể quay lưng với thực tế là cuộc chiến tranh ở Đông Nam Á đang gây ra một cuộc nội chiến ngay trên đất Mỹ”<sup>15</sup>.

Trong khi đó, tại diễn đàn Quốc hội, các nghị sĩ cũng bày tỏ thái độ, từ tháng 4 đến tháng 12-1972 đã đề ra 22 dự luật đòi rút hết quân Mỹ, đưa tù binh trở về, chấm dứt chiến tranh và hạn chế quyền điều hành chiến tranh của Tổng thống. Ngày 22-6, Thượng viện biểu quyết dự luật của Menphin với số phiếu 57/42 đòi rút hết lực lượng Mỹ khỏi Đông Dương trong thời hạn không quá 9 tháng miễn là tất cả tù binh được thả. Một tuần sau, Thượng viện lại biểu quyết dự luật của Bruckner với 49/47 phiếu quy định các chi phí quân sự đã được duyệt chỉ dùng vào việc rút quân về nước với điều kiện tù binh Mỹ được thả. Rõ ràng mối quan tâm hàng đầu của nước Mỹ là vấn đề ngừng bắn đi cùng với việc giải thoát tù binh. Biểu quyết của đa số ở Thượng viện là sức ép mạnh mẽ đối với Níchxon cho dù có thắng cử. Nhưng cũng nên thấy rằng số nghị sĩ muốn theo đuổi chiến tranh để giành thế thắng chiếm một tỷ

lệ không nhỏ. Điều này đương nhiên cũng nằm trong sự tính toán của người cầm quyền Nhà Trắng.

Ngày 8-10-1972 đánh dấu một bước đột phá trong cuộc hoà đàm ở Pari với những đề nghị mới của VNDCCH. Bản dự thảo Hiệp định của ta đã tách vấn đề quân sự với vấn đề chính trị, tập trung giải quyết vấn đề ngừng bắn, quân Mỹ rút về nước, thả tù binh, không đòi lật đổ chính quyền Sài Gòn, không đòi Nguyễn Văn Thiệu từ chức. Bản dự thảo cũng hàm ý không đặt vấn đề rút quân miền Bắc khỏi miền Nam, những vấn đề chính trị, quân sự của miền Nam sẽ do các bên miền Nam giải quyết<sup>16</sup>.

Kitxingơ tuyên bố ngay tại cuộc họp: “Theo sự trình bày của các ông, tôi nghĩ rằng các ông đã mở ra một chương mới về các cuộc thương lượng của chúng ta, một chương có thể dẫn đến chỗ kết thúc nhanh chóng”. Và trong nội bộ đoàn Mỹ, ông ta kể lại trong Hồi ký: “Chúng tôi vừa xiết chặt tay nhau vừa nói: Chúng ta đã thành công”<sup>17</sup>. Cái mà người Mỹ cảm thấy thành công chính là ở chỗ cuối cùng thì chiến tranh Việt Nam cũng kết thúc, lính Mỹ về nước, tù binh Mỹ được thả và chính quyền Thiệu vẫn tồn tại. Đó chính là sự “rút lui trong danh dự” mà Oasinhton theo đuổi từ đầu cuộc đàm phán.

Còn về phía Việt Nam, đây là một sách lược nhằm đẩy Mỹ ra khỏi đất nước, làm mất chỗ dựa của chính quyền Sài Gòn mặc dầu họ được Mỹ viện trợ vũ khí và các phương tiện chiến tranh gấp nhiều lần. Một thực trạng ở miền Nam được xác nhận với sự tồn tại của 2 chính phủ (chính phủ Sài Gòn và CPCMLTMNVN), 2 quân đội (quân đội Sài Gòn và quân đội Giải phóng), 3 lực lượng chính trị (Sài Gòn, Cách mạng và lực lượng trung lập) với sự hiện diện của Hội đồng quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc gồm 3 thành phần kể trên.

Sau nhiều buổi tranh luận căng thẳng, gay gắt, đến ngày 12-10 hai bên đã thoả thuận những nội dung cơ bản, định ra một lịch trình để tiến tới ký kết Hiệp định vào cuối tháng 10.

Cùng trong thời gian này, Đảng ta chủ trương tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của các nước XHCN. Ngày 9-10 tại Mátxcova, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh gặp Tổng bí thư ĐCS Liên Xô L. Brêgionep. Tổng bí thư L. Brêgionep đánh giá cao chủ trương mới của Việt Nam, cho rằng đã đạt được 2 thắng lợi cơ bản là chấm dứt sự dính líu quân sự của Mỹ và công nhận thực tế ở miền Nam có hai chính quyền. Cùng ngày, Phó Thủ tướng Lê Thanh Nghị đi Bắc Kinh gặp Thủ tướng Cộng hoà nhân dân Trung Hoa Chu Ân Lai. Thủ tướng Chu Ân Lai bày tỏ sự đồng tình với sách lược của Việt Nam và hứa quyết tâm ủng hộ Việt Nam<sup>18</sup>. Hoạt động ngoại giao đó đem lại hiệu quả rất tích cực đối với cuộc đấu tranh của ta tại bàn đàm phán.

Trở lại vấn đề giữa ta và Mỹ, bản lịch trình thoả thuận ngày 12-10 giữa hai bên đã không được thực hiện. Viện ra nhiều lý do, phía Mỹ cố tình kéo dài thời hạn. Có 2 yếu tố dẫn tới thái độ lần nữa này. Một là, sự phản đối dữ dội của Nguyễn Văn Thiệu. Ông ta coi bản Hiệp định “thực chất là một sự đầu hàng của Mỹ”, chua xót thấy mình “là người cuối cùng được tham khảo và sau đó lại không có tiếng nói thực sự vì mọi chuyện đều đã được quyết định từ trước” và phải cay đắng thốt lên: “Tôi nhận thấy rằng những người mà tôi coi là bạn đã bỏ rơi tôi”<sup>19</sup>. Hai là, Níchxon tính toán nên ký Hiệp định trước hay sau cuộc bầu cử Tổng thống được ấn định vào ngày 5 tháng 11? Tình hình Việt Nam sẽ có ảnh hưởng đến lá phiếu chọn lựa của cử tri Mỹ. Trước sức ép từ chiến trường Việt Nam và từ sự phản đối trên chính trường Hoa Kỳ, Níchxon và Kitxinger muốn lấy việc chấm dứt chiến tranh để đảm bảo phần thắng trong cuộc chạy đua này. Nếu ký trước ngày bầu cử thì việc Níchxon ở lại Nhà Trắng là điều chắc chắn, tuy nhiên phải chấp nhận nhiều nhượng bộ không dễ chịu với Mỹ và bị Sài Gòn kịch liệt phản đối. Nhưng nếu để lại sau ngày đó thì có tranh thủ được cử tri hay không và nếu thắng thì Níchxon sẽ quay trở lại vấn đề đòi phía Việt Nam phải nhượng bộ: “Khi cuộc bầu cử đã qua rồi,

Tổng thống sẽ thực hiện bất kỳ hành động nào ông thấy cần thiết để bảo vệ lợi ích của Hoa Kỳ”<sup>20</sup>. Sự chần chừ đó được bộc lộ qua nhiều công hàm của Tổng thống Mỹ (hoặc nhân danh Tổng thống) gửi Thủ tướng Việt Nam từ 13 đến 25-10, đưa ra hết vấn đề này đến vấn đề khác để lần nữa việc ký kết. Đến khi cuộc điều tra dư luận ở Mỹ cho thấy số đông người được hỏi nghiêng về phía Níchxon với niềm hy vọng hoà bình thì phía Mỹ ra mặt bội ước. “Biết chắc sứ mạng to lớn trong cuộc bầu cử sắp tới, ông ta (Níchxon - TG) quyết định chờ đợi cho đến sau khi được bầu lại, đến lúc đó ông ta có thể đòi Bắc Việt Nam phải giải quyết hoà bình hoặc gánh chịu hậu quả của những gì mà Mỹ có thể làm đối với họ”<sup>21</sup>.

Trước thái độ đó, ngày 26-10, VNDCCH đã công bố toàn văn bản dự thảo Hiệp định và tố cáo sự bội ước của phía Mỹ. Sự kiện này buộc giới cầm quyền Mỹ phải chịu nhiều đòn công kích. *Một là*, từ phía VNDCCH, vạch rõ sự thiếu nghiêm chỉnh của Mỹ trong việc không tôn trọng những điều đã thoả thuận ngày 12-10; *Hai là*, từ phía chính quyền Sài Gòn cay đắng cho rằng Níchxon đã sẵn sàng bỏ rơi họ; *Ba là*, từ dư luận trong nước Mỹ phê phán sự bất nhất và bỏ lỡ cơ hội của những người có trách nhiệm; *Bốn là* từ thái độ hưởng ứng sự công khai của Hà Nội từ phía các nhà lãnh đạo Mátxcova và Bắc Kinh<sup>22</sup>, và cuối cùng là làn sóng biểu tình của phong trào đòi chấm dứt chiến tranh lan ra trong nhiều nước. Kitxinger lập tức họp báo, sau khi tường trình sự việc đã đưa ra lời tuyên bố: “Chúng ta tin tưởng rằng hoà bình đang ở ngang tầm tay. Chúng ta tin là một Hiệp định có ở trong tầm tay”<sup>23</sup>. Lời tuyên bố “Hoà bình trong tầm tay” đã gieo niềm hy vọng vào cử tri Mỹ, cứu vãn uy tín của Níchxon và tạo nên sức nặng cho việc ông ta được tái cử. Cuối cùng, Níchxon đã trúng cử với 60,7% số phiếu, nhưng ở Thượng viện, Đảng cộng hoà mất 3 ghế; ở Hạ viện, Đảng dân chủ chiếm đa số. Như vậy, lực lượng đối lập ở Mỹ vẫn có tiếng nói quan trọng đối với chính sách Việt Nam của Níchxon.

Đối với Việt Nam, sự tráo trở của Mỹ không hoàn toàn là điều bất ngờ khi đã dự tính về hai khả năng là Mỹ có thể ký trước ngày bầu cử và cũng có thể để lại sau ngày đó. Ngay từ ngày 30-9, Bộ chính trị Việt Nam đã nhận định “rõ ràng Mỹ không có ý định kết thúc chiến tranh trước ngày bầu cử nhưng lại muốn sử dụng việc đàm phán để trúng cử”<sup>24</sup>. Còn tại Pari, Đoàn đàm phán của ta nhận định có 2 khả năng: “một là, Mỹ sẽ giải quyết vào thời điểm 25-10; hai là Mỹ kéo dài để vượt qua tuyến cử”<sup>25</sup>. Như vậy, hiệp định tháng 10-1972 đã ngưng lại. Hiệp định không được ký kết song dư luận thế giới là có lợi cho ta. Còn Níchxon đã quyết định “chơi trò gây sức ép tối đa”: “Tôi đã nói lỏng những điều hạn chế mà tôi đã áp dụng cho các cuộc tập kích của B52 đối với Bắc Việt Nam từ ngày 13 tháng Mười. Kế hoạch bây giờ là thi hành một áp lực tăng dần với Hà Nội bằng cách bắt đầu ném bom gần khu phi quân sự và leo dần lên phía Bắc từng ngày”<sup>26</sup>. Đó là tuyên bố của Níchxon vào đầu tháng 11, chuẩn bị cho cuộc đấu trí mới vào đợt cuối năm 1972.

### **5. Chiến dịch ném bom Lễ Giáng sinh và phản ứng quốc tế**

Đầu tháng 11, cuộc gặp giữa hai bên lại tiếp nối tại Paris. Phía Mỹ đòi sửa đổi 69 điều trong bản dự thảo, thực chất là trở lại những vấn đề đã đặt ra từ đầu cuộc đàm phán như vị trí của Mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam, Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam, việc rút lực lượng quân miền Bắc khỏi miền Nam, việc trao trả những người bị bắt... Do vậy, các phiên họp đã diễn ra trong bầu không khí hết sức căng thẳng. Láy lý do phía Việt Nam giữ lập trường cứng rắn không chịu nhân nhượng, Mỹ chuyển sang dùng sức mạnh quân sự, tiến hành cuộc ném bom bằng B52 mang tính hủy diệt suốt 12 ngày đêm cuối tháng 12 ở Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố khác mà người Mỹ gọi là “Trận bom Lễ Giáng sinh”. Thực ra trước đó, với ý đồ dẫm, Kít-xingơ đã tiết lộ thông điệp của Níchxon gửi ông ta: “Tôi ra lệnh cho ông đình ngay các

cuộc đàm phán và nếu cần hãy trở lại những hành động quân sự cho điều mà những người có thể thương lượng của chúng ta chịu sắp xếp thương lượng”<sup>27</sup>. Điều đó cho thấy dù cuộc hoà đàm Paris diễn biến như thế nào thì Níchxon cũng sử dụng con bài cuối cùng là dùng B52 để chấm dứt chiến tranh trên thế mạnh. Đó là giải pháp được tính trước và đã bộc lộ từ hồi tháng 10, chứ không phải là “Bị dồn đến chân tường, chính quyền Mỹ buộc phải hành động và sự lựa chọn duy nhất Mỹ có là gia tăng ném bom bắn phá”, lại càng không phải như lý giải của Kít-xingơ “Giới lãnh đạo Đảng Lao động Việt Nam đã mắc “sai lầm cơ bản” khi dồn Níchxon đến chân tường vào tháng Mười hai”<sup>28</sup>.

Vậy hậu quả của đợt ném bom đó là gì? Mỹ đã phải trả giá đắt với 34 máy bay B52 và 47 chiếc khác bị bắn rơi (phía Mỹ công bố 2 con số tương ứng là 15 và 11) và 44 phi công bị bắt. Giới quân sự Mỹ thừa nhận: “Chúng tôi đã mất nhiều máy bay và đã không thấy trước được cái giá phải trả cao như vậy. Ngay với con số được (Mỹ) thừa nhận thì cũng có nghĩa, tổn thất của B52 là trên 10% trong 10 ngày, một con số cao hơn con số mà các phi công có thể chấp nhận được và do đó đã làm cho họ mất tinh thần”<sup>29</sup>.

Bên cạnh đó, dư luận Mỹ trở nên sôi động với những lời phản đối của các nghị sĩ, chính khách và báo chí đối với hành động của Níchxon “như một tên bạo chúa bị chọc tức”, “là sự khùng bô trên quy mô chưa từng thấy”, “đã làm vấy bẩn thanh danh nước Mỹ”, “đến nỗi hàng triệu người Mỹ phải xấu hổ và hoài nghi về sự sáng suốt của Tổng thống”<sup>30</sup>. 45/73 Thượng nghị sĩ được hỏi ý kiến đã kịch liệt chống lại hành động này. Cả Thượng viện và Hạ viện đều chuẩn bị cho cuộc bỏ phiếu vào đầu tháng 1-1973 về dự luật cắt nguồn kinh phí chiến tranh Việt Nam.

Toan tính của Mỹ sử dụng đợt không kích này để tăng sức ép của Trung Quốc và Liên Xô đối với Hà Nội cũng thất bại. Tổng bí thư ĐCS Liên Xô Brêgionep công khai lên án cuộc chiến tranh là “dài nhất và bản

thiu nhất trong lịch sử nước Mỹ”, có thể vì vấn đề Việt Nam mà hoãn chuyến đi Mỹ như dự định. Lần đầu tiên sau hơn một năm, ở Bắc Kinh đã diễn ra cuộc biểu tình lớn chống Mỹ với sự hiện diện của Thủ tướng Chu Ân Lai và sự tham dự của bà Nguyễn Thị Bình – Bộ trưởng Ngoại giao CPCMLT Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Bộ Ngoại giao Trung Quốc gửi thông điệp cho Chính phủ VNDCCH và Chính phủ Hoa Kỳ khẳng định: “Nếu như Chính phủ Mỹ không chấm dứt các hoạt động phá hoại cuộc sống yên bình của nhân dân Việt Nam và vẫn tiếp tục chiến dịch xâm lược thì nhân dân Trung Quốc sẽ cương quyết có bất kỳ hành động cần thiết nào để ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ và bảo đảm rằng nhân dân Việt Nam sẽ giành được thắng lợi hoàn toàn”. Chính phủ của hai trong số các đồng minh thân cận nhất của Mỹ là Canada và Ôxtrâyliya phản ứng quyết liệt đọt ném bom này. Ngoại trưởng Canada công khai chỉ trích: “Lý do hay mục đích của vụ ném bom này thật khó hiểu. Chúng tôi kịch liệt lên án hành động này”. Từ Vatican, Giáo hoàng Giăng Pôn II bày tỏ sự bất bình về “việc bất ngờ nối lại chiến tranh ở ạt và tàn nhẫn”. Kitxingơ nhớ lại tháng 12 năm đó trước sức ép dư luận ở trong và ngoài nước như là “một giai đoạn đau khổ và khó khăn nhất, đặc biệt kể từ khi chúng ta cho rằng hoà bình đang ở trong tầm tay”. Do vậy, nhìn một cách toàn diện, có thể thấy rằng “Tất cả những điều mà cuộc ném bom Lễ Giáng sinh đưa lại là cô lập chính quyền Mỹ về mặt chính trị và đặt nó vào thế phòng ngự”<sup>31</sup>.

Ngày 30-12, Níchxon hạ lệnh chấm dứt cuộc không kích và theo đề nghị của phía Mỹ, hai bên gặp lại ở Pari ngày 8-1-1973, đi đến ký kết Hiệp định vào ngày 27-1. Phải chăng cuộc đàm phán Paris được tiếp nối là do kết quả của việc dùng sức ép bằng bạo lực của Níchxon như Kitxingơ và một số học giả phương Tây nhận định? Thực ra, Tổng thống Mỹ đã đặt cược vào canh bạc B52 cuối năm 1972 quá lớn nhưng hiệu quả không

được như mong đợi. Níchxon phải kết thúc chiến dịch vào ngày cuối cùng của năm đó vì ông ta rơi vào tình thế “bị kẹt” cần phải thoát hiểm. *Một là*, người đứng đầu Nhà Trắng đã leo đến nấc thang cuối cùng của cuộc chiến tranh: dùng B52 đánh vào Hà Nội tuy gây nhiều tổn thất cho Việt Nam mà vẫn không giành được phần thắng quyết định. *Hai là*, Tổng thống sẽ phải đứng trước cuộc bỏ phiếu của hai viện Quốc hội vào ngày 3-1-1973 về chấm dứt ngân sách chi phí cho chiến tranh Việt Nam nên phải ra lệnh ngừng tấn công, trở lại bàn đàm phán trước thời điểm đó để tránh khỏi rơi vào thế bị động. *Ba là*, dư luận thế giới phản đối hành động tàn bạo của Mỹ, kể cả những phản ứng quyết liệt từ phía Liên Xô, Trung Quốc cũng như từ phía các đồng minh Nhật Bản, Đông Nam Á và Tây Âu. *Bốn là*, vị tổng thống tái nhiệm cũng muốn có một điều gì sáng sủa để tuyên bố trong lễ nhậm chức nhiệm kỳ II vào ngày 20-1 đáp ứng lòng mong mỏi của dân chúng Mỹ được đón con em họ trở về. Như vậy, cho rằng việc ký kết Hiệp định Paris là kết quả của đọt ném bom Hà Nội cuối tháng 12, nhất là hệ quả của vụ tàn sát dân thường đêm 26-12 ở phố Khâm Thiên là một suy luận tương như lôgich nhưng không đúng với thực tế chiến tranh thời đó. Nếu như so sánh nội dung của bản Dự thảo tháng 10 và bản Hiệp định tháng 12 thì thấy rằng những điểm sửa đổi chỉ là chi tiết, những điều cơ bản vẫn còn đó. Nếu cho rằng cuộc tàn sát đêm 26 buộc Việt Nam phải trở lại bàn hội nghị thì có lẽ nào phía bên kia không dùng lợi thế để ép Việt Nam phải nhân nhượng hơn nữa. Suy luận theo cách phản chứng như vậy cũng đủ để làm sáng tỏ vấn đề là vấn đề Chiến dịch ném bom Lễ Giáng sinh không tạo nên sức ép đối với kết quả của Hội nghị Pari, nếu không muốn nói rằng người Mỹ chỉ trở lại bàn đàm phán sau khi phải ném trái đòn đau “Điện Biên Phủ trên không” như cách gọi của báo chí phương Tây.

Cuối cùng, ký Hiệp định Pari, “nước Mỹ đã ra khỏi cuộc chiến tranh với hình ảnh rất nhem nhuốc trong con

mất của nhân dân thế giới và nhân dân Mỹ vốn đã chán ngấy việc dính líu vào chiến tranh. Đối với Níchxon, cái giá phải trả cũng quá cao. Vào tháng 1-1973, ông ta bị kiệt quệ và bị cô lập, chính quyền của ông ta chỉ còn là một nhóm những kẻ mệt mỏi, mất tinh thần, đôi khi còn mang tính nhỏ nhen và tâm thường, đấu đá lẫn nhau, đề phòng và ghen tị nhau”. Đó là nhận định của nhà sử học người Mỹ G.C. Horinh về kết cục của cuộc chiến tranh mà nước Mỹ đã dính líu ở Việt Nam trong một phần tư thế kỷ<sup>32</sup>.

Chiến tranh đã qua đi, hoà bình được lập lại. Tình hình có nhiều đổi thay song những bài học của cuộc đấu tranh ngoại giao trong thời kháng chiến vẫn mang ý nghĩa thiết thực. Đứng trước xu thế toàn cầu hoá, việc hội nhập vào dòng chảy chung của thế giới mà trước hết là hội nhập kinh tế quốc tế là vấn đề đặt ra bức thiết đối với nước ta. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy trong bất kỳ tình huống nào, việc bảo vệ độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ mãi mãi là nguyên tắc bất di bất dịch. Trong tình hình mới của bối cảnh quốc tế sau chiến tranh lạnh, những kinh nghiệm đàm phán cần được vận dụng một cách sáng tạo và thích hợp nhằm bảo vệ lợi ích dân tộc trong sự hài hoà với lợi ích của các bên đối tác. Trong mối quan hệ đó, sự phát huy nội lực trong kinh tế có ý nghĩa rất quyết định trong việc tiếp nhận viện trợ và đầu tư từ bên ngoài, nội lực có vững thì nền kinh tế dân tộc mới giữ được tính tự chủ, mới trở thành hậu thuẫn cho các cuộc đàm phán đem lại hiệu quả vững chắc cho sự hội nhập quốc tế và công cuộc xây dựng đất nước.

12. Có nhiều tài liệu khác nhau xoay quanh vấn đề viện trợ của các nước XHCN cho Việt Nam sau chuyển đi của Níchxon đến Trung Quốc và Liên Xô. Gabriel Cômô cho rằng: “Dù cho con số có thể tranh cãi ra sao, những nguồn chính thức của Mỹ cho thấy rằng viện trợ quân sự của Trung

Quốc cho VNDCCH năm 1972 tăng gấp đôi năm 1971. Chi viện trợ kinh tế của họ có giảm phần nào so với năm 1971. Viện trợ vũ khí của Liên Xô tăng hơn gấp đôi (Gabrien Cômô: *Giải phẫu một cuộc chiến tranh*, QĐND, H, 1991, T.3, tr.112)

13, 25. Lưu Văn Lợi – Nguyễn Anh Vũ: *Các cuộc thương lượng Lê Đức Thọ – Kissinger tại Paris*, NXB CAND, H, 1996, tr. 275, tr.278 và 293

14. Charles Waugh – Lê Thế Quế: *Phong trào chống chiến tranh Việt Nam tại Mỹ (1960 – 1975)*. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội – Chuyên san Khoa học xã hội & nhân văn, số 2-2005

15, 21. G.C Herring: *Cuộc chiến tranh lâu dài nhất nước Mỹ*, CTQG, H, 1998, tr. 277; 322-323

16, 18. Xem: Lưu Văn Lợi – Nguyễn Anh Vũ: *Các cuộc thương lượng Lê Đức Thọ – Kissinger tại Paris*, tr. 275–323, 281

17, 23, 27. Henri Kissinger: *Những năm bão táp cuộc chạy đua vào Nhà trắng (Hồi ký)*, NXB CAND, H, 2003, T.2, tr.56, 615, 656

19, 20, 24, 28, 30. Pierre Asselin: *Nền hoà bình mong manh*, CTQG, H, 2005, tr.145, 175, 118, 214, 230 và 250

22. **Nửa đêm 26-10**, Thủ tướng Chu Ân Lai tiếp đại diện của hai miền Nam Bắc Việt Nam và nói: “VNDCCH công bố là cần thiết, đòi Níchxon ký Hiệp định vào ngày 31 tháng 10 là đòi hỏi đúng... Mỹ không thể trốn tránh trách nhiệm của mình”. Sáng hôm sau, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô Cômughin tiếp đại diện VNDCCH và CPCMLT cho biết: “Đêm 26-10, Bộ Chính trị Liên Xô đã họp nghiên cứu Tuyên bố của Việt Nam và ủng hộ 100%”. Trong những ngày tiếp sau, chính phủ các nước XHCN cùng nhiều chính phủ khác, các tổ chức hoà bình hữu nghị trên thế giới đều lên tiếng ủng hộ ta, tố cáo Mỹ kéo dài chiến tranh và lên án gay gắt chính quyền Thiệu

26. R. Nixon: *Hồi ký*, NXB CAND, H, 2004, tr.875

29, 31. Gabriel Cômô: *Giải phẫu một cuộc chiến tranh*, NXB QĐND, H, 1991, T.3, tr.131, 131

32. Xem: G.C. Herring: *Cuộc chiến tranh lâu dài nhất nước Mỹ*, CTQG, H, 1998, tr. 325.